

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

(đã được soát xét)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Điều hành	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	06-38
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11-38

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 36 ngày 18 tháng 06 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Văn Điều	Chủ tịch
Bà Lại Thị Hồng Điệp	Phó Chủ tịch
Ông La Thế Nhân	Ủy viên
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Ủy viên
Ông Hoàng Minh Anh Tú	Ủy viên

Các thành viên của Ban Điều hành đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Minh Anh Tú	Tổng Giám đốc điều hành
Ông Hoàng Minh Anh Tài	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lại Thị Hồng Điệp	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Huệ	Giám đốc Chất lượng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Thái Thị Phương	Trưởng ban
Bà Quách Thị Mai Trang	Thành viên
Ông Lê Quốc Thắng	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Điều hành cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Điều hành



Hoàng Minh Anh Tú

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 08 năm 2018

Số: 290818.010/BCTC.KT2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình được lập ngày 20 tháng 08 năm 2018, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Phạm Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0777-2018-002-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2018

5-C
HÀNG KIỂM TOÁN
HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		138,792,188,471	120,111,424,249
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	22,780,494,642	29,578,486,222
111	1. Tiền		4,322,494,642	16,078,486,222
112	2. Các khoản tương đương tiền		18,458,000,000	13,500,000,000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	36,590,250,000	31,310,250,000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		36,590,250,000	31,310,250,000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		32,241,547,073	30,129,308,670
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	18,723,916,481	24,816,245,943
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	7,863,459,950	764,047,992
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	4,000,000,000	3,300,000,000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	1,725,082,185	1,319,926,278
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(70,911,543)	(70,911,543)
140	IV. Hàng tồn kho	11	43,813,964,262	28,312,303,468
141	1. Hàng tồn kho		43,813,964,262	28,312,303,468
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3,365,932,494	781,075,889
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	16	2,575,390,018	780,820,937
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		754,679,923	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	35,862,553	254,952
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		102,816,533,986	108,208,417,145
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		2,587,499,746	2,586,499,746
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8	2,500,000,000	2,500,000,000
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	87,499,746	86,499,746
220	II. Tài sản cố định		39,499,360,068	41,452,285,780
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	35,128,124,480	37,044,678,317
222	- Nguyên giá		148,603,349,444	146,739,878,836
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(113,475,224,964)	(109,695,200,519)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	4,371,235,588	4,407,607,463
228	- Nguyên giá		7,068,980,397	7,028,980,397
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(2,697,744,809)	(2,621,372,934)
230	III. Bất động sản đầu tư	15	30,197,569,587	31,158,906,351
231	- Nguyên giá		52,456,972,189	52,456,972,189
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(22,259,402,602)	(21,298,065,838)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		5,955,118,894	4,624,064,357
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	5,955,118,894	4,624,064,357
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	5	17,237,843,376	16,002,320,732
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		17,115,514,176	15,879,991,532
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		122,329,200	122,329,200
260	VI. Tài sản dài hạn khác		7,339,142,315	12,384,340,179
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	7,339,142,315	12,384,340,179
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		241,608,722,457	228,319,841,394

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		30,093,949,044	19,338,204,712
310	I. Nợ ngắn hạn		30,093,949,044	18,788,204,712
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	19,722,296,021	7,403,610,525
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	1,126,933,492	863,115,391
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	185,955,065	1,729,633,688
314	4. Phải trả người lao động		2,202,835,612	1,931,585,093
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	20	2,952,980,916	2,884,722,672
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	2,990,611,800	3,017,755,741
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		912,336,138	957,781,602
330	II. Nợ dài hạn		-	550,000,000
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21	-	550,000,000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		211,514,773,413	208,981,636,682
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	211,514,773,413	208,981,636,682
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		61,725,230,000	61,725,230,000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>61,725,230,000</i>	<i>61,725,230,000</i>
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		137,662,054,443	137,662,054,443
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		2,140,945,047	2,140,945,047
415	4. Cổ phiếu quỹ		(11,666,581,607)	(11,666,581,607)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		2,243,857,861	2,243,857,861
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		19,409,267,669	16,876,130,938
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước</i>		<i>16,736,130,938</i>	<i>9,193,398,231</i>
421b	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		<i>2,673,136,731</i>	<i>7,682,732,707</i>
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		241,608,722,457	228,319,841,394



Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Người lập



Nguyễn Thị Xuân
Kế toán trưởng



Hoàng Minh Anh Tú
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 08 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2018	2017
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	68,575,669,723	64,756,587,648
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25	36,381,354	51,459,973
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		68,539,288,369	64,705,127,675
11	4. Giá vốn hàng bán	26	59,405,156,725	57,874,441,723
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		9,134,131,644	6,830,685,952
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	1,858,009,918	1,793,876,332
22	7. Chi phí tài chính	28	113,035,034	143,350,093
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>49,947,032</i>	<i>30,152,139</i>
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		1,235,522,644	1,251,127,193
25	9. Chi phí bán hàng	29	3,402,182,450	1,829,220,675
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	5,869,682,690	5,232,513,123
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2,842,764,032	2,670,605,586
31	12. Thu nhập khác		6,462,251	23,658,501
32	13. Chi phí khác		176,089,552	15,029,091
40	14. Lợi nhuận khác		(169,627,301)	8,629,410
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2,673,136,731	2,679,234,996
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	-	-
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		2,673,136,731	2,679,234,996
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		2,673,136,731	2,679,234,996
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		-	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	466	467



Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 08 năm 2018



Nguyễn Thị Xuân
Kế toán trưởng



Hoàng Minh Anh Tú
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2018	2017
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		2,673,136,731	2,679,234,996
	5. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		5,284,660,682	5,927,940,877
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	10,967,099
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2,933,516,954)	(3,010,582,419)
06	- Chi phí lãi vay		49,947,032	30,152,139
08	12 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		5,074,227,491	5,637,712,692
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		2,696,138,752	(4,798,141,586)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(15,501,660,794)	(5,767,397,366)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		11,627,833,076	1,046,972,752
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		3,250,628,783	4,756,392,052
14	- Tiền lãi vay đã trả		(69,152,712)	(30,152,139)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(265,901,260)	(456,088,913)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(185,445,478)	(1,000,000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		6,626,667,858	388,297,492
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(8,717,530,600)	(2,849,327,521)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		363,636,364	2,550,000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(18,540,000,000)	(5,500,000,000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		12,560,000,000	9,200,000,000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1,486,378,739	976,020,664
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(12,847,515,497)	1,829,243,143
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		13,897,904,538	11,588,597,191
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(14,475,048,479)	(9,382,819,324)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(577,143,941)	2,205,777,867
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(6,797,991,580)	4,423,318,502

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

*Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018
(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2018	2017
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		29,578,486,222	32,386,135,209
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	<u>22,780,494,642</u>	<u>36,809,453,711</u>



Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Người lập

Nguyễn Thị Xuân
Kế toán trưởng

Hoàng Minh Anh Tú
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 08 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ*Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018***1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 36 ngày 18 tháng 06 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 61.725.320.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2018 là 61.725.230.000 đồng; tương đương 6.172.523 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trên các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu bao bì và cung ứng dịch vụ công nghệ thông tin.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất ngành in, ngành bao bì giấy, ngành bao bì nhựa, ngành khăn giấy;
- Sản xuất ngành hóa chất nhựa, hạt nhựa màu;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Sản xuất băng đĩa nhạc;
- Kinh doanh thương mại, dịch vụ.

Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2018 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100.00%	100.00%	Công nghệ và truyền thông
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100.00%	100.00%	Sản xuất và dịch vụ
Công Ty TNHH MTV Phát Triển Phần mềm Âu Lạc (*)	Thành phố Hồ Chí Minh	100.00%	100.00%	Công nghệ thông tin

(*) Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314574911, đăng ký lần đầu vào ngày 15 tháng 08 năm 2017, vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Phát triển Phần mềm Âu Lạc là 5.000.000.000 đồng. Đến thời điểm 30/06/2018, vốn thực góp của Công ty mẹ là 200.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường
Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

- Công ty có 01 công ty liên kết được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2018:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	47.00%	47.00%	Sản xuất và dịch vụ

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: Khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo nên việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	20 - 50 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.12 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
--------------------------	-------------

2.13 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với các tài sản đủ điều kiện, chi phí đi vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.16 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường
Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện

3 . HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ CÔNG TY CON PHÁT SINH TRONG KỲ

Theo Quyết định số 38/2017/QĐHĐQT ngày 17/08/2017, Công ty quyết định thành lập Công ty con là Công ty TNHH MTV Phát triển Phần mềm Âu Lạc tại địa chỉ 86/33 Âu Cơ, Phường 9, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh với vốn điều lệ là 5.000.000.000 đồng, vốn thực góp đến 30/06/2018 là 200.000.000 đồng.

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	1,849,368,859	7,949,658,055
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2,473,125,783	8,128,828,167
Các khoản tương đương tiền	18,458,000,000	13,500,000,000
	<u>22,780,494,642</u>	<u>29,578,486,222</u>

Tại 30/06/2018, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng có giá trị 18.458.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,6%/năm đến 5,0%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Tiền gửi có kỳ hạn	36,590,250,000	36,590,250,000	31,310,250,000	31,310,250,000
	36,590,250,000	36,590,250,000	31,310,250,000	31,310,250,000

Tại 30/06/2018, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 03 đến 12 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,3%/năm đến 7,2%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên kết

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc với tỷ lệ lợi ích và biểu quyết là 47%. Giá gốc của khoản đầu tư không thay đổi tại ngày đầu năm và cuối kỳ là 4.700.000.000 đồng. Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu của khoản đầu tư tại ngày đầu năm và cuối kỳ lần lượt là 15.879.991.532 đồng và 17.115.514.176 đồng.

Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc có địa chỉ tại Thành phố Hồ Chí Minh và hoạt động kinh doanh chính trong lĩnh vực in ấn.

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào đơn vị khác	122,329,200	-	122,329,200	-
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dược phẩm Đồng Nai	62,829,200	-	62,829,200	-
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Giấy Lê Hoa	59,500,000	-	59,500,000	-
	122,329,200	-	122,329,200	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường
Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Việt An	639,453,100	-	1,680,283,990	-
Công ty TNHH Truyền hình Cấp SAIGONTOURIS	-	-	1,406,868,650	-
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	3,014,159,721	-	2,464,273,257	-
Doanh nghiệp tư nhân Khánh Mỹ	1,724,024,385	-	1,250,416,195	-
Phải thu khách hàng khác	13,346,279,275	(70,911,543)	18,014,403,851	(70,911,543)
	18,723,916,481	(70,911,543)	24,816,245,943	(70,911,543)

b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan

	57,646,840	-	404,226,281	-
--	-------------------	----------	--------------------	----------

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.)

7 . TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng Bình Tân	1,500,000,000	-	-	-
Công ty TNHH Thương mại Cơ khí Xây dựng Thành Luân	2,000,000,000	-	-	-
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Đạt Phát	1,000,000,000	-	-	-
Shenzhen infiled electronics Co., ltd	2,689,029,272	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	674,430,678	-	764,047,992	-
	7,863,459,950	-	764,047,992	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường
Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

8 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Bà Trần Thị Huệ (1)	4,000,000,000	-	3,000,000,000	-
Bà Nguyễn Thị Xuân	-	-	300,000,000	-
	4,000,000,000	-	3,300,000,000	-
b) Dài hạn				
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lac ⁽²⁾	2,500,000,000	-	2,500,000,000	-
	2,500,000,000	-	2,500,000,000	-
c) Phải thu về cho vay các bên liên quan				
	2,500,000,000	-	2,500,000,000	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn:

(1) Hợp đồng vay vốn được ký kết giữa Công ty và Bà Trần Thị Huệ với các điều khoản chi tiết sau:

- + Tổng số tiền cho vay: 4.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Mua nhà;
- + Thời hạn của hợp đồng: 03 tháng kể từ ngày nhận tiền;
- + Lãi suất cho vay: 5,3%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 4.000.000.000 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(2) Bao gồm các hợp đồng vay vốn được ký kết giữa Công ty và Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc với các điều khoản chi tiết sau:

- + Tổng số tiền cho vay: 5.500.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Đầu tư kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: 5 năm kể từ ngày nhận tiền;
- + Lãi suất cho vay: 7,75%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 2.500.000.000 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường
Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

9 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	804,957,895	-	804,957,895	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	789,333,333	-	425,276,255	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	2,034,495	-	91,640	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	3,104,120	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	91,220	-	-	-
Phải thu khác	125,561,122	-	89,600,488	-
	1,725,082,185	-	1,319,926,278	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	87,499,746	-	86,499,746	-
	87,499,746	-	86,499,746	-
c) Phải thu khác là các bên liên quan				
	804,957,895	-	804,957,895	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.)

10 . NỢ XẤU

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Xuất nhập khẩu Tân Đình Phong	26,000,000	-	26,000,000	-
- Công ty Cổ phần Mỹ thuật Sen Việt	44,911,543	-	44,911,543	-
	70,911,543	-	70,911,543	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường
Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

11 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	24,609,753,842	-	12,589,475,513	-
Công cụ, dụng cụ	4,943,404,697	-	1,542,914,911	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở	1,493,217,708	-	1,687,163,387	-
Thành phẩm	11,950,929,685	-	11,017,884,056	-
Hàng hoá	816,658,330	-	1,474,865,601	-
	43,813,964,262	-	28,312,303,468	-

12 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định	4,817,034,383	4,624,064,357
- Mua sắm căn hộ (*)	4,554,197,897	4,554,197,897
- Mua sắm máy cắt	262,836,486	69,866,460
Sửa chữa lớn tài sản cố định	1,138,084,511	-
- Sửa chữa nhà máy ALTA	128,550,535	-
- Sửa chữa Trung tâm Unique	206,903,300	-
- Sửa chữa các cơ sở khác	802,630,676	-
	5,955,118,894	4,624,064,357

(*) Công ty đang đóng tiền theo tiến độ để mua 2 căn hộ cao cấp của dự án Golden Mansion tại số 119 Phố Quang, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh với mục đích cho chuyên gia nước ngoài thuê. Đến thời điểm 30/06/2018, các căn hộ này chưa hoàn thành bàn giao cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến tr VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ qu VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng	VND
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	28,710,654,563	104,185,970,365	11,268,641,135	2,371,691,428	202,921,345	146,739,878,836	
- Mua trong kỳ	201,603,862	656,457,386	1,630,333,819	358,080,996	-	2,846,476,063	
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(983,005,455)	-	-	(983,005,455)	
Số dư cuối kỳ	28,912,258,425	104,842,427,751	11,915,969,499	2,729,772,424	202,921,345	148,603,349,444	
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	17,935,395,577	82,034,847,131	8,016,404,541	1,532,272,694	176,280,576	109,695,200,519	
- Khấu hao trong kỳ	693,970,136	2,823,013,224	440,567,993	289,400,690	-	4,246,952,043	
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(466,927,598)	-	-	(466,927,598)	
Số dư cuối kỳ	18,629,365,713	84,857,860,355	7,990,044,936	1,821,673,384	176,280,576	113,475,224,964	
Giá trị còn lại							
Tại ngày đầu năm	10,775,258,986	22,151,123,234	3,252,236,594	839,418,734	26,640,769	37,044,678,317	
Tại ngày cuối kỳ	10,282,892,712	19,984,567,396	3,925,924,563	908,099,040	26,640,769	35,128,124,480	

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 17.112.270.039 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường
Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

14 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	6,237,885,093	791,095,304	7,028,980,397
- Mua trong kỳ	-	40,000,000	40,000,000
Số dư cuối kỳ	6,237,885,093	831,095,304	7,068,980,397
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1,830,277,630	791,095,304	2,621,372,934
- Khấu hao trong kỳ	74,705,208	1,666,667	76,371,875
Số dư cuối kỳ	1,904,982,838	792,761,971	2,697,744,809
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	4,407,607,463	-	4,407,607,463
Tại ngày cuối kỳ	4,332,902,255	38,333,333	4,371,235,588

15 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư của Công ty là Nhà cửa vật kiến trúc, cơ sở hạ tầng của tòa nhà Alta Plaza có địa chỉ tại đường Phạm Văn Hai, Phường 3, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, được sử dụng với mục đích cho thuê với nguyên giá là 52.456.972.189 đồng, giá trị hao mòn lũy kế tại ngày 30/06/2018 là 22.259.402.602 đồng, trong đó khấu hao trong kỳ là 961.336.764 đồng.

16 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1,469,533,632	373,941,497
Chi phí bảo hiểm	61,203,672	-
Chi phí duy tu cơ sở hạ tầng trong khu công nghiệp	67,911,600	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	976,741,114	406,879,440
	2,575,390,018	780,820,937
b) Dài hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	256,847,863	641,113,458
Giá trị còn lại của TSCĐ do phá dỡ	65,135,383	120,965,707
Chi phí chờ phân bổ Trung tâm thương mại - Alta Plaza	-	123,940,000
Vật tư có giá trị lớn xuất dùng cho thuê màn hình LED	6,714,270,747	11,331,375,411
Chi phí trả trước dài hạn khác tại Altamedia	-	122,680,559
Chi phí trả trước dài hạn khác	302,888,322	44,265,044
	7,339,142,315	12,384,340,179

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường
Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

17 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Xinhengjia Supply Chain (HK) Co., Ltd	388,168,496	388,168,496	740,871,996	740,871,996
SMARTNET TECHNOLOGY, INC	-	-	1,133,808,234	1,133,808,234
Công ty TNHH Thương mại Hưng Phát Thành	1,440,450,000	1,440,450,000	990,000,000	990,000,000
Marubeni Asian Pte. Ltd	5,479,368,900	5,479,368,900	-	-
GULF POLYMERS DISTRIBUTION	3,044,254,250	3,044,254,250	-	-
PANTECH CORPORATION	1,438,099,022	1,438,099,022	-	-
Siêu thị điện máy 30-4	1,568,400,000	1,568,400,000	-	-
HUNAN YESTECH OPTOELECTRON IC CO., LTD	1,379,730,871	1,379,730,871	-	-
Phải trả các đối tượng khác	4,983,824,482	4,983,824,482	4,538,930,295	4,538,930,295
	19,722,296,021	19,722,296,021	7,403,610,525	7,403,610,525

18 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty Cổ phần ANTERNATION	-	348,488,044
SMARTNET TECHNOLOGY, INC	-	251,957,385
Công ty TNHH Truyền thông Hiền Anh	300,000,000	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	826,933,492	262,669,962
	1,126,933,492	863,115,391

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

19 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp tron VND	Số phải thu cuối kỳ VND	Số phải nộp cuối kỳ VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	1,420,480,169	3,779,354,369	5,095,399,086	-	104,435,452
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	254,952	-	59,960,027	59,960,027	254,952	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	230,293,659	-	265,901,260	35,607,601	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	78,859,860	290,237,419	287,577,666	-	81,519,613
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	27,235,188	27,235,188	-	-
Các loại thuế khác	-	-	19,274,114	19,274,114	-	-
	254,952	1,729,633,688	4,176,061,117	5,755,347,341	35,862,553	185,955,065

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

20 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
- Kinh phí công đoàn	45,804,940	72,228,700
- Bảo hiểm xã hội	1,003,485	322,045
- Bảo hiểm y tế	265,740	6,634,470
- Bảo hiểm thất nghiệp	106,370	21,190
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1,727,880,872	1,616,880,872
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	29,394,040	29,394,040
- Phải trả lãi vay	-	19,205,680
- Quỹ phải trả người lao động	1,073,555,442	1,073,555,442
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	74,970,027	66,480,233
	2,952,980,916	2,884,722,672

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

21 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2018		Trong kỳ		30/06/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND
a) Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình (*)	3,017,755,741	3,017,755,741	13,897,904,538	13,925,048,479	2,990,611,800	2,990,611,800
	3,017,755,741	3,017,755,741	13,897,904,538	13,925,048,479	2,990,611,800	2,990,611,800
b) Vay dài hạn						
- Ông Hoàng Minh Anh Tú	550,000,000	550,000,000	-	550,000,000	-	-
	550,000,000	550,000,000	-	550,000,000	-	-
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	-	-	-	-	-
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	550,000,000	550,000,000			-	-

- (*): Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 512/TBN-KDN/17NH ngày 28 tháng 06 năm 2017, và Hợp đồng sửa đổi bổ sung ngày 18 tháng 07 năm 2018 với các điều kiện:
- + Hạn mức tín dụng: 20.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 26/09/2018 ;
 - + Lãi suất cho vay: Quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

22 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	61,725,230,000	137,662,054,443	2,140,945,047	(11,666,581,607)	1,758,775,074	14,090,672,131	205,711,095,088
Lãi/lỗ trong kỳ trước	-	-	-	-	-	2,679,234,996	2,679,234,996
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	485,082,787	(4,897,273,900)	(4,412,191,113)
Số dư cuối kỳ trước	61,725,230,000	137,662,054,443	2,140,945,047	(11,666,581,607)	2,243,857,861	11,872,633,227	203,978,138,971
Số dư đầu năm nay	61,725,230,000	137,662,054,443	2,140,945,047	(11,666,581,607)	2,243,857,861	16,876,130,938	208,981,636,682
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	2,673,136,731	2,673,136,731
Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành và chỉ thưởng Ban Điều hành	-	-	-	-	-	(140,000,000)	(140,000,000)
Số dư cuối kỳ này	61,725,230,000	137,662,054,443	2,140,945,047	(11,666,581,607)	2,243,857,861	19,409,267,669	211,514,773,413

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/NQĐHCĐ ngày 18 tháng 04 năm 2018, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

	Số tiền
	VND
Chi thưởng Ban Điều hành	384,000,000
Chi trả cổ tức (bằng 8% vốn điều lệ) (*)	4,589,367,200

(*) Đến thời điểm 30/06/2018, Công ty chưa chốt danh sách nhận cổ tức và gửi danh sách cho Trung tâm lưu ký Việt Nam về việc phân phối lợi nhuận năm 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường
Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Công ty Cổ phần Địa ốc A.C.B	17.03%	10,512,440,000	17.03%	10,512,440,000
Tổng Công ty Công nghiệp In - Bao bì Liksin - TNHH MTV	12.32%	7,602,110,000	12.32%	7,602,110,000
Ông Hoàng Văn Điều	9.38%	5,788,600,000	9.38%	5,788,600,000
Bà Lại Thị Hồng Diệp	5.77%	3,558,630,000	5.77%	3,558,630,000
Ông La Thế Nhân	4.79%	2,955,500,000	4.79%	2,955,500,000
Cổ đông khác	43.65%	26,949,810,000	43.65%	26,949,810,000
Cổ phiếu quỹ	7.06%	4,358,140,000	7.06%	4,358,140,000
	100%	61,725,230,000	100%	61,725,230,000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	61,725,230,000	61,725,230,000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	61,725,230,000	61,725,230,000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	61,725,230,000	61,725,230,000
Cổ tức, lợi nhuận		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	29,394,040	28,491,140
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ</i>	-	3,442,025,540
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	-	3,442,025,540
- <i>Số dư cuối kỳ</i>	29,394,040	3,470,516,680

d) Cổ phiếu

	30/06/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6,172,523	6,172,523
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	6,172,523	6,172,523
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6,172,523	6,172,523
Số lượng cổ phiếu được mua lại (<i>cổ phiếu quỹ</i>)	435,814	435,814
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	435,814	435,814
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5,736,709	5,736,709
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5,736,709	5,736,709
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10,000	10,000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Quỹ đầu tư phát triển	2,243,857,861	2,243,857,861
	2,243,857,861	2,243,857,861

23 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngại tậ các loại	30/06/2018	01/01/2018
- Đồng đô la Mỹ (USD)	2,661.46	2,374.77

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường
Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	44,992,945,815	38,576,581,148
Doanh thu cung cấp dịch vụ	23,582,723,908	26,180,006,500
	68,575,669,723	64,756,587,648

25 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	-	508,773
Hàng bán bị trả lại	35,781,354	50,951,200
Giảm giá hàng bán	600,000	-
	36,381,354	51,459,973

26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	41,582,966,956	33,391,469,531
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	17,822,189,769	24,482,972,192
	59,405,156,725	57,874,441,723

27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1,850,435,817	1,327,947,331
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	428,957,895
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	7,574,101	36,971,106
	1,858,009,918	1,793,876,332

28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền vay	49,947,032	30,152,139
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	63,088,002	102,230,855
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	10,967,099
	113,035,034	143,350,093

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường
Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

29 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Chi phí nhân công	1,945,911,574	774,547,326
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16,517,707	123,146,640
Chi phí dịch vụ mua ngoài	923,560,271	472,444,641
Chi phí khác bằng tiền	516,192,898	459,082,068
	3,402,182,450	1,829,220,675

30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	86,826,396	136,078,245
Chi phí nhân công	3,343,319,934	3,444,040,150
Chi phí khấu hao tài sản cố định	816,848,021	721,605,850
Thuế, phí, lệ phí	38,596,608	60,123,810
Chi phí dịch vụ mua ngoài	751,851,121	391,830,174
Chi phí khác bằng tiền	832,240,610	478,834,894
	5,869,682,690	5,232,513,123

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	230,293,659	412,525,175
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(265,901,260)	(456,088,913)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	(35,607,601)	(43,563,738)

32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	2,673,136,731	2,679,234,996
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	2,673,136,731	2,679,234,996
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	5,736,709	5,736,709
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	466	467

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường
Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	37,440,625,148	33,874,762,905
Chi phí nhân công	16,463,084,792	13,398,596,782
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5,284,660,668	5,927,940,877
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4,243,625,757	6,697,073,549
Chi phí khác bằng tiền	2,816,418,950	3,954,282,391
	66,248,415,316	63,852,656,505

34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị số kế toán			
	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22,780,494,642	-	29,578,486,222	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	20,536,498,412	(70,911,543)	26,222,671,967	(70,911,543)
Các khoản cho vay	43,090,250,000	-	37,110,250,000	-
	86,407,243,054	(70,911,543)	92,911,408,189	(70,911,543)

	Giá trị số kế toán	
	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
	Nợ phải trả tài chính	
Vay và nợ	2,990,611,800	3,567,755,741
Phải trả người bán, phải trả khác	22,675,276,937	10,288,333,197
	25,665,888,737	13,856,088,938

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường
Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 30/06/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22,780,494,642	-	-	22,780,494,642
Phải thu khách hàng, phải thu khác	20,378,087,123	87,499,746	-	20,465,586,869
Các khoản cho vay	40,590,250,000	2,500,000,000	-	43,090,250,000
	83,748,831,765	2,587,499,746	-	86,336,331,511
Tại ngày 01/01/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	29,578,486,222	-	-	29,578,486,222
Phải thu khách hàng, phải thu khác	26,065,260,678	86,499,746	-	26,151,760,424
Các khoản cho vay	34,610,250,000	2,500,000,000	-	37,110,250,000
	90,253,996,900	2,586,499,746	-	92,840,496,646

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường
Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2018				
Vay và nợ	2,990,611,800	-	-	2,990,611,800
Phải trả người bán, phải trả khác	22,675,276,937	-	-	22,675,276,937
	<u>25,665,888,737</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>25,665,888,737</u>
Tại ngày 01/01/2018				
Vay và nợ	3,017,755,741	550,000,000	-	3,567,755,741
Phải trả người bán, phải trả khác	10,288,333,197	-	-	10,288,333,197
	<u>13,306,088,938</u>	<u>550,000,000</u>	<u>-</u>	<u>13,856,088,938</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường
Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động sản xuất và thương mại VND	Hoạt động dịch vụ VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	44,956,564,461	23,582,723,908	68,539,288,369
Chi phí bộ phận trực tiếp	41,582,966,956	17,822,189,769	59,405,156,725
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	<u>3,373,597,505</u>	<u>5,760,534,139</u>	<u>9,134,131,644</u>
Tổng chi phí mua TSCĐ	2,585,931,151	1,631,599,449	4,217,530,600
Tài sản bộ phận trực tiếp	158,476,960,645	83,131,761,812	241,608,722,457
Tổng tài sản	<u>158,476,960,645</u>	<u>83,131,761,812</u>	<u>241,608,722,457</u>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	19,739,343,554	10,354,605,490	30,093,949,044
Tổng nợ phải trả	<u>19,739,343,554</u>	<u>10,354,605,490</u>	<u>30,093,949,044</u>

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam, do vậy Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Doanh thu		300,183,511	942,807,947
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	300,183,511	942,807,947
Cổ tức được chia		-	428,957,895
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	-	428,957,895

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường
Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2018	01/01/2018
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		57,646,840	404,226,281
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	57,646,840	404,226,281
Phải thu về cho vay		2,500,000,000	2,500,000,000
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Công ty liên kết	2,500,000,000	2,500,000,000
Phải thu cổ tức		804,957,895	804,957,895
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng	Công ty liên kết	804,957,895	804,957,895
Các khoản đi vay		-	550,000,000
Ông Hoàng Minh Anh Tú	Tổng Giám đốc	-	550,000,000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2018	2017
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	355,166,901	650,545,973
Thu nhập của các thành viên khác trong Ban Điều hành và Hội đồng Quản trị	1,041,261,537	954,042,793

38 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét.



Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Người lập



Nguyễn Thị Xuân
Kế toán trưởng



Hoàng Minh Anh Tú
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 08 năm 2018